TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 27 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 191/2026/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1974;

Số Căn cước công dân: 044174010249, cấp ngày 17/6/2022;

Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1973;

Số Căn cước công dân: 044073002365, cấp ngày 21/11/2024;

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn T, xã L, tỉnh Quảng Trị).

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh L và ông Nguyễn Anh V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nuôi con chung:* Bà Nguyễn Thị Minh L và ông Nguyễn Anh V thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Song Ngọc M, sinh ngày 11/8/1998; hiện tại con đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Minh L và ông Nguyễn Anh V thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Minh L và ông Nguyễn Anh V mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; Bà L thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho ông V. Số tiền án phí bà L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003255, ngày 25/6/2026 của Thi hành án dân tỉnh Quảng Trị. Bà L được nhận lại 150.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã N;
- Công an xã L
- Công an xã N;
- Phòng THADS khu vực 4;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Nhàn